

Bản án số: 97/2021/DS-PT
Ngày 03 - 12 - 2021
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Tăng Trần Quỳnh Phương
Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 91/2021/TLPT-DS ngày 08 tháng 10 năm 2021 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 54/2021/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1958, (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Lập Điền, xã Long Điền Tây, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Diêu: Anh Lê Văn N, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1953, (có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1953, (có mặt)

3.2. Ông Lê Văn M, sinh năm 1940, (có đơn xin vắng mặt)

3.3. Bà Lê Thị X, sinh năm 1943, (có đơn xin vắng mặt).

3.4. Bà Lê Thị V, sinh năm 1946, (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vân: Ông Trần Văn B, sinh năm 1945; địa chỉ: ấp L Điền, xã T, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

3.5. Bà Lê Thị H, sinh năm 1960, (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

3.6. Ông Lê Văn Mười, sinh năm 1960, (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Mười: Anh Lê Văn N, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

3.7. Bà Bùi Thị T, sinh năm 1951, (có đơn xin vắng mặt).

3.8. Chị Lê Trúc L, sinh năm 1970, (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

3.9. Bà Lê Thị H1, sinh năm 1962, (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

3.10. Ủy ban nhân dân huyện Đ; địa chỉ: ấp 3, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; người đại diện theo pháp luật: Ông Tô Minh Đ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, (có đơn xin vắng mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1958

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/4/2018 và lời khai của nguyên đơn trong quá trình tố tụng trình bày: Nguồn gốc phần đất hiện giữa bà và bà Lê Thị L đang tranh chấp là của cha mẹ chồng bà tên là Lê Văn Tr (chết năm 1969) và bà Nguyễn Thị T (chết năm 1974), ông Tr và bà T chết không để lại di chúc, nên bà Lê Thị V là chị lớn trong gia đình quản lý, sử dụng phần đất của cha mẹ để lại. Năm 1976, bà V đại diện các anh chị em trong gia đình cho bà L một phần đất vườn diện tích 1000m², khi cho đất không đo đạc cụ thể mà chỉ nói là cho phần đất từ hậu chạy dài xuống tới mé sông. Do chồng bà là con út thờ cúng cha mẹ nên bà V cho vợ chồng bà phần đất nhiều hơn các anh chị em khác, khi cho đất cũng không đo đạc nên bà không biết diện tích cụ thể bao nhiêu, vợ chồng bà quản lý, sử dụng phần đất được cho đến ổn định, đến năm 1996 ông Lê Văn M là chồng bà đi kê khai, đăng ký và được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích 36,170m². Trong quá trình sử dụng, khi chuyển đổi từ đất trồng lúa sang đất nuôi tôm, vợ chồng bà có đào phần đất làm đường xỏ nước ra vào vuông tôm. Tuy nhiên, do trong thời gian xỏ nước ra vào vuông tôm đường xỏ bị xói mòn gây khó khăn cho việc lấy nước canh tác, hàng năm vợ chồng bà bơm đất từ vuông tôm đổ lên bờ hiện đang tranh chấp nhưng bà L không có ý kiến gì, đến năm 2017 vợ chồng bà đào đường xỏ nước khác giáp với phần đất của bà L có chiều ngang 4,5m dài 27,4m cập đường xỏ cũ của bà, thì bà Lê Thị L và ông Huỳnh Văn H ngăn cản và nói là phần đất của ông H và bà L, nên hai bên phát sinh tranh chấp. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị L và ông Huỳnh Văn H giao trả cho vợ chồng bà phần đất qua đo đạc thực tế là 122,8m² tại một phần thửa số 403, tờ bản đồ số 16 (bản đồ 299) và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận đã cấp cho ông Huỳnh Văn H

và bà Lê Thị L đối với phần đất tranh chấp, với lý do khi ông H kê khai đăng ký quyền sử dụng đất không có các hộ ký tên giáp ranh, không thông báo cho vợ chồng bà biết và đã kê khai cấp chồng lên phần đất của vợ chồng bà.

Bị đơn bà Lê Thị L và ông Huỳnh Văn H thống nhất trình bày: Nguồn gốc phần đất vợ chồng ông, bà đang quản lý sử dụng cũng như phần đất tranh chấp có nguồn gốc của cha là cụ Lê Văn Tr (chết năm 1969) và mẹ là cụ Nguyễn Thị T (chết năm 1974), cha mẹ chết không để lại di chúc, sinh thời cha mẹ có tạo lập và để lại một phần đất nhưng không biết tổng diện tích là bao nhiêu. Sau khi cha mẹ chết, khoảng năm 1976 bà Lê Thị V là chị lớn trong gia đình nên đứng ra quản lý và chia đất cho các anh em trong gia đình khi ra sống riêng, bà V chia cho vợ chồng ông, bà một phần đất vườn diện tích 1.000m² giáp ranh với phần đất của cha mẹ còn lại do ông M quản lý, sử dụng có hiện trạng là nương xỏ nước từ sau ra trước, khi bà V chia đất cho không có đo đạc hay làm giấy tờ gì mà chỉ nói là cho phần đất 1.000m², sau khi được cho đất vợ chồng ông, bà cất nhà ở và sử dụng đất ổn định, đến năm 1995 ông Trần Văn B là chồng bà Lê Thị V đã đứng ra kê khai, đăng ký quyền sử dụng phần đất mà bà V đã chia cho vợ chồng ông, bà do ông Huỳnh Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 944,5m², vợ chồng bà đã sử dụng ổn định cho đến năm 2018 khi vợ chồng ông, bà đi lên thành phố Hồ Chí Minh làm ăn thì ở nhà bà D và ông M đào nương xỏ nước trên phần đất của bà chiều ngang là 4,5m dài 27,4m, những người ở gần nhà gọi điện thoại cho cho biết, vợ chồng về ngăn cản nên bà D mới nộp đơn khởi kiện bà. Nay bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà giao trả phần đất qua đo đạc thực tế là 122,8m² và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận đã cấp cho ông Huỳnh Văn H và bà Lê Thị L đối với phần đất tranh chấp thì bà không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị V, Lê Thị H, Lê Thị H, Lê Thị X và Lê Văn M thống nhất xác định: Nguồn gốc phần đất bà D và bà L đang sử dụng và phát sinh tranh chấp là của cha mẹ chết để lại. Năm 1976, bà Lê Thị V là chị thứ 5 trong gia đình đứng ra chia đất cho anh em bà. Trong đó bà V chia cho bà L phần đất là 1000m², khi cho đất thì không có đo đạc mà chỉ nói là cho phần đất cất nhà ở, bà L đã sử dụng ổn định cho đến nay và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay bà D khởi kiện yêu cầu bà L giao trả phần đất qua đo đạc thực tế là 122,8m² là không đúng, vì đây là đất của cha mẹ chia cho bà L. Nay các ông, bà không khiếu nại hay ý kiến gì về việc bà V đứng ra chia đất cho bà L trước đây và cũng không có yêu cầu gì đối với phần đất này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn M trình bày: Ông M thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà Nguyễn Thị D, sau khi cha mẹ chết bà V là chị đứng ra chia đất cho anh em, trong đó có bà L thì ông và anh em đều thống nhất không có ý kiến gì, tuy nhiên vị trí đất bà V chia cho bà L tính từ hậu đất chạy dài đến mé sông chứ không phải là cặp lộ như hiện nay. Nếu đo tính từ mé lộ thì đã lấn qua đất của ông, hiện trạng ranh đất trước đây có con nương xỏ nước từ sau ra sông do ông quản lý sử dụng, nhưng giáp nương bên phần đất bà L ông vẫn còn đất, năm 2018 ông đào nương xỏ nước trên phần đất của ông giáp với phần đất bà L thì bà L ngăn cản, nên ông yêu cầu bà L và ông H giao trả phần đất đo đạc thực tế diện tích 122,8m² cho vợ chồng ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị T trình bày: Bà không biết việc bà V chia đất cho bà L như thế nào, sau khi chồng bà chết năm 1972 thì bà đi nơi khác sinh sống cho đến nay và đã có gia đình riêng. Nay bà D khởi kiện yêu cầu bà L giao trả đất thì bà không có ý kiến, yêu cầu gì.

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày: Phần đất tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị D và bà Lê Thị L có diện tích 122,8 m² tại một phần thửa số 28 và một phần thửa số 29, tờ bản đồ số 23, theo bản đồ địa chính chính quy năm 2006, phần đất tranh chấp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Huỳnh Văn H và bà Lê Thị L. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Huỳnh Văn H và bà Lê Thị L đúng trình tự, thủ tục tại thời điểm cấp giấy.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2021/DS-ST ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D đối với bà Lê Thị L về việc tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 122,8m², tại một phần thửa số 28 và một phần thửa số 29, tờ bản đồ số 23 (bản đồ địa chính chính quy năm 2006), tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp chứng nhận quyền sử dụng cho hộ ông Huỳnh Văn H và bà Lê Thị L và không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu hủy một phần đất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Lê Thị L và ông Huỳnh Văn H đối với phần đất diện tích 122,8m².

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 04/6/2021, bà Nguyễn Thị D có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xử hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông H, bà L. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và nội dung vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Kiểm sát viên không có ý kiến bổ sung thêm phần thủ tục tố tụng.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, có đủ cơ sở xác định phần đất tranh chấp bà L, ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quá trình sử dụng đất vợ chồng bà D đã đào mương xả nước trên phần đất của vợ chồng bà L. Do đó, cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu của bà D là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị

D, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2021/DSST ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa bà D và bà L là tranh chấp liên quan đến quyền sử dụng đất, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, theo khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Những người vắng mặt tại phiên tòa đều có đơn xin xét xử vắng mặt và có người đại diện theo ủy quyền, nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án, theo đơn khởi kiện và lời khai của bà D trong quá trình tố tụng yêu cầu vợ chồng bà L, ông H giao trả phần đất qua đo đạc thực tế diện tích 122,8m², tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, hiện trạng trên phần đất tranh chấp không có công trình kiến trúc hay trồng cây lâu năm; vị trí, số đo các cạnh như sau:

- Cạnh hướng Đông giáp phần đất bà Nguyễn Thị D đang sử dụng có số đo 4,5m;
- Cạnh hướng Tây giáp lộ bê tông có số đo 4,5m;
- Cạnh Hướng Nam giáp phần đất bà Nguyễn Thị D đang sử dụng có số đo 27,4m;
- Cạnh hướng Bắc giáp phần đất bà Lê Thị L đang sử dụng có số đo 27,4m.

[3] Xét nguồn gốc phần đất tranh chấp: Theo bà D, bà L và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều thống nhất xác định nguồn gốc phần đất của bà D, bà L đang quản lý sử dụng, kể cả phần đất tranh chấp là của cụ Lê Văn Tr và cụ Nguyễn Thị T chết để lại. Năm 1976, bà Lê Thị V là chị đứng ra chia cho bà L phần đất vườn diện tích 1.000m², tất cả anh em trong gia đình đều thống nhất việc bà V chia đất của cha mẹ cho bà L. Bà L sử dụng đất ổn định đến năm 1995 thì ông Trần Văn B là chồng bà Lê Thị V đã đứng ra kê khai, đăng ký quyền sử dụng phần đất mà bà V đã chia cho vợ chồng ông H, bà L, do ông Huỳnh Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 944,5m², nên căn cứ khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự ghi nhận đây là sự thật, các đương sự không cần có nghĩa vụ chứng minh.

[4] Xét kháng cáo của bà D yêu cầu cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông H, bà L đối với diện tích tranh chấp. Hội đồng xét xử xét thấy, theo lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan như bà Lê Thị V, bà Lê Thị H, bà Lê Thị H1, bà Lê Thị X và ông Lê Văn M đều là anh chị em của bà L và bà D thống nhất xác định, sau khi được chia đất vợ chồng bà L cất

nhà ở, phần đất của bà L và bà D, ông M giáp ranh, bên phần đất bà D có đào đường mương xổ nước, nên ranh đất giữa đất bà D, ông M và bà L, ông H là mương xổ nước do bà D, ông M quản lý, sử dụng. Qua đo đạc thực tế phần đất của bà D, ông M và phần đất của ông H, bà L đang quản lý sử dụng thể hiện, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông H, bà L diện tích 944,5m², nhưng qua đo đạc thực tế không tính diện tích phần đất tranh chấp thì diện tích phần đất của ông H, bà L đang quản lý sử dụng diện tích 799,5m², như vậy phần đất ông H, bà L đang quản lý, sử dụng ít hơn diện tích được cấp giấy diện tích 145m². Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông M thể hiện ông M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất diện tích 36.170m², nhưng qua đo đạc thực tế phần đất ông M hiện nay có diện tích 37.264,8m², như vậy diện tích bà D và ông M đang trực tiếp sử dụng là nhiều hơn diện tích được cấp giấy diện tích 1.094,8m².

Theo bảng trích đo thửa đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Đ lập ngày 31/3/2021 xác định phần đất tranh chấp diện tích 122,8m² có 3,9m² thuộc một phần thửa 29, tờ bản đồ số 23 và diện tích 118,9m² thuộc một phần thửa 28, tờ bản đồ số 23. Tại công văn số 3009/UBND ngày 19/10/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Đ xác định trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Huỳnh Văn H và bà Lê Thị L đúng theo quy định pháp luật tại thời điểm cấp.

Do đó, cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D đòi bà L, ông H giao trả phần đất diện tích 122,8m² và không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H, bà L là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Trong thời gian chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà D không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới chứng minh phần đất tranh chấp là của mình nên cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà D, cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2021/DS-ST ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà D, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Huỳnh Văn H, tại thời điểm cấp giấy, hộ ông H có bà L và hai người con, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm không đưa các con của ông H, bà L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là thiếu sót. Tuy nhiên, việc thiếu sót này của cấp sơ thẩm không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên chỉ cần rút kinh nghiệm.

[7] Các phần quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 54/2021/DS-ST ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị D được miễn nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị D, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2021/DS-ST ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 92; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 166; Điều 294; khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 99; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D đòi bà Lê Thị L và ông Huỳnh Văn H giao trả phần đất diện tích 122,8m², thuộc một phần thửa số 28 và một phần thửa số 29, tờ bản đồ số 23 (bản đồ địa chính chính quy năm 2006), tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; phần đất có vị trí, số đo các cạnh như sau:

- Cạnh hướng Đông giáp phần đất bà Nguyễn Thị D đang sử dụng có số đo 4,5m;
- Cạnh hướng Tây giáp lộ bê tông có số đo 4,5m;
- Cạnh Hướng Nam giáp phần đất bà Nguyễn Thị D đang sử dụng có số đo 27,4m;
- Cạnh hướng Bắc giáp phần đất bà Lê Thị L đang sử dụng có số đo 27,4m.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị D yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Huỳnh Văn H đối với phần đất diện tích 122,8m² tại một phần thửa số 28, thửa 29, tờ bản đồ số 23.

3. Chi phí thẩm định, định giá tài sản là 8.796.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị D phải chịu toàn bộ, bà Nguyễn Thị D đã nộp xong.

4. Án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị D được miễn toàn bộ.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Đông Hải;
- CCTHADS huyện Đông Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn